

Bản án số: 249/2023/DS-PT

Ngày 27-12-2023.

*“Tranh chấp yêu cầu công nhận
quyền sử dụng đất”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán:

Bà Tôn Thị Thanh Thúy;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, về *“Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST, ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 313/2023/QĐ-PT, ngày 23/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 295/2023/QĐ-PT, ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Ông Quách Phước K, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2- **Bị đơn:** Bà Quách Thị G, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số B ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn G: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số I đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023) (có mặt).

3- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1- Bà Trương Thị V (Đề) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Quách Thị T, sinh năm 1960 (theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2023); Địa chỉ: Số B ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2- Bà Quách Thị C, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.3- Bà Quách Thị T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số B ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.4- Bà Quách Thị L, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.5- Bà Quách Thị T1, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị T, bà Quách Thị T1, bà Quách Thị C và bà Quách Thị L: Ông Quách Phước K, sinh năm 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2023). Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.6- Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.7- Ông Phan Phúc T2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm P, xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Phúc T2: Bà Phan Thị H, sinh năm 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2023). Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.8- Bà Phan Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.9- Ông Huỳnh Tuấn K1 (tên thường gọi là H1), sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

** Người kháng cáo:* Bà Quách Thị G là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn Quách Văn Kiên trình bày:* Cha mẹ ông K là ông Quách Văn N và bà Trương Thị V có chia đất cho các chị em trong gia đình từ thời ông N còn sống. Vào ngày 18/12/2019, Tòa án nhân dân huyện M có ra bản án số 57 giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản giữa bà Quách Thị G và bà Trương Thị V đối với phần đất diện tích 9.396,6 m², thửa 283, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nay gia đình ông K đồng ý thực hiện theo bản án số 57/2019/DS-ST, ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện M. Đối với phần đất còn lại của thửa 283, cha mẹ đã cho ông

K thì ông K thực hiện sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để chuyển nhượng cho người khác, nhưng bà G không đồng ý ký tên để ông K làm thủ tục sang tên. Phần đất thửa số 283 chia thành hai phần, 01 phần do bà G đang sử dụng thì ông K thống nhất là của bà G, còn 01 phần ông đang sử dụng cùng thửa 283 thì cha mẹ đã cho ông từ năm 1998 nên yêu cầu công nhận cho ông, mẹ và các anh chị em khác đều đồng ý nhưng bà G thì không.

Vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất theo đo đạc thực tế là 9.762,3 m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là của ông Quách Phước K do cha mẹ ông K là ông Quách Văn N và bà Trương Thị V đã cho ông, để ông đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Quách Thị G trình bày:*

Phần đất thuộc một phần thửa đất số 283 hiện nay bà đang sử dụng là bà mua của ông Quách Văn N từ năm 1995 và đã được Tòa án nhân dân huyện M xét xử theo bản án số 57 ngày 18/12/2019 có diện tích là 9.396,6 m². Tuy nhiên, phần đất diện tích 9.396,6m² của bà là chưa đủ, diện tích tổng là 13.500m² mới đủ, là thêm phần đất lộ đāl, cặp bên phần đất của ông K đang sử dụng hiện nay và thêm phần đất kênh thủy lợi. Hai phần đất này ngang đầu trên khoảng 02m, chiều dài hết đất, ngang đầu dưới khoảng 15m, hai phần đất này ông T3 và bà M ngụ cùng ấp đang chiếm đất của bà. Phần đất ông K khởi kiện yêu cầu công nhận có diện tích theo đo đạc thực tế 9.762,3 m², thuộc thửa đất số 283 thì bà thống nhất phần đất này là của ông K, do cha mẹ cho ông K nhưng bà không đồng ý ký tên cho ông K sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nào ông K trả lại cho bà phần đất lộ đāl cặp bên thì bà mới đồng ý ký tên cho ông K sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất ông K đang sử dụng và yêu cầu công nhận hiện nay. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

** Tại tờ trình ngày 17/8/2023, bà Trương Thị V trình bày:* Bà và chồng bà là ông Quách Văn N được nhà nước cấp phần đất thửa 283 diện tích là 15.250m², cấp vào ngày 25/10/1995. Đến năm 1998 do sức khỏe yếu nên cho con trai là Quách Phước K. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị V đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông K do phần đất ông K yêu cầu công nhận cho ông K đã được bà V và ông N cho ông K từ năm 1998, khi đó ông N còn sống.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Quách Thị T và bà Quách Thị L trình bày:*

Phần đất ông K yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho ông K diện tích theo đo đạc thực tế là 9.762,3m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là của ông Quách Phước K là đúng. Phần đất này ông Quách Văn N và bà Trương Thị V đã cho ông K từ thời ông N còn sống. Khi cha mẹ chia đất cho các con, các chị em trong gia đình đều biết và đồng ý. Do đó, ông K yêu cầu Tòa án công nhận phần đất trên là của ông K thì các bà thống nhất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quách Thị T1, Quách Thị C trình bày: Thống nhất với yêu cầu của ông Quách Phước K.*

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST, ngày 23/8/2023 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Phước K.

- Công nhận phần đất diện tích 9.762,3 m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16, địa chỉ đất ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 949658 ngày 25/10/1995 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Quách Văn N là của ông Quách Phước K.

Phần đất có số đo các cạnh như sau:

Hướng Đông giáp với đất ông Nguyễn Văn S, có số đo 94,02m + 61,57m.

Hướng Tây giáp Bờ rạch (Hành lang rạch), có số đo 74,00m + 79,55m + 3,95m.

Hướng Nam giáp đường bê tông, có số đo 57,57m.

Hướng Bắc giáp đất bà Quách Thị G, có số đo 64,06m.

(Kèm theo sơ đồ vị trí)

- Ông Quách Phước K được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được kê khai, đăng ký, cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 9.762,3m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo bản án.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 31/8/2023, bị đơn Quách Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Cho đi giám định chữ ký, chữ viết trong giấy tặng cho tài sản của ông Quách Văn N (Bằng việc so sánh chữ ký trong tàng thư làm giấy chứng minh nhân dân).

- Xem xét thẩm định lại các vị trí đất mà hiện nay đang sử dụng của Bị đơn G cũng như của ông Quách Phước K.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Phước K, để trả lại đất cho cha mẹ và các đồng thừa kế cùng hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn K không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn G không rút lại đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- + *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự có mặt đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- + *Về nội dung kháng cáo*: Bị đơn G không chứng minh được kháng cáo của Bị đơn G là có căn cứ pháp luật, trong khi nguyên đơn K không đồng ý theo nội dung kháng cáo của Bị đơn G. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn G là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm và trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bị đơn G và người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành việc xem xét, thẩm định lại. Xét thấy, yêu cầu này là trùng với yêu cầu kháng cáo ban đầu của bị đơn G. Vì vậy, sẽ được Hội đồng xét xử xem xét, khi xét đơn kháng cáo.

[2] *Về nội dung kháng cáo:*

Tại phiên tòa, bị đơn G và người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn G, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề, cụ thể như sau:

- Cho đi giám định chữ ký, chữ viết trong giấy tặng cho tài sản của ông Quách Văn N (Bằng việc so sánh chữ ký trong tàng thư làm giấy chứng minh nhân dân).

- Xem xét thẩm định lại các vị trí đất mà hiện nay đang sử dụng của Bị đơn G cũng như của ông Quách Phước K.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Phước K, để trả lại đất cho cha mẹ và các đồng thừa kế cùng hưởng.

[2-1] *Xét kháng cáo của Bị đơn G về yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của cha tên Quách N trong “Đơn thừa kế” ngày 09/02/2001, thì thấy rằng:*

- Khi làm đơn khởi kiện đối vụ án này, nguyên đơn K yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất theo đo thực tế 9.762,3m², tại thửa đất số 283 là của nguyên đơn K, do cha tên Quách N và mẹ tên Trương Thị V cho tặng từ năm 1998, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nêu trên là sự thừa nhận của mẹ tên Trương Thị V và sự thừa nhận của các chị em trong gia đình gồm: Quách Thị T; Quách Thị T1; Quách Thị C và Quách Thị L và thực tế nguyên đơn K là người trực tiếp sử dụng đất được cho tặng từ năm 1998 đến nay (do cha tên Quách N đã chết ngày 12/02/2002 nên chưa làm thủ tục sang tên cho tặng đất được).

- Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Bị đơn G không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia thừa kế do cha tên Quách N chết để lại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc chia thừa kế do ông Quách N chết để lại và cấp sơ thẩm cũng không căn cứ vào “Đơn thừa kế” ngày 09/02/2001 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Vì vậy, kháng cáo của bị đơn G về việc: Yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của cha tên Quách N trong “Đơn thừa kế” ngày 09/02/2001 không liên quan khi giải quyết vụ án này, nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2-1] *Xét kháng cáo của Bị đơn G về yêu cầu cấp phúc thẩm: Xem xét, thẩm định lại các vị trí đất mà hiện nay Bị đơn G và nguyên đơn K đang sử dụng, thì thấy rằng:*

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn G thừa nhận: Ranh đất của bà và của nguyên đơn K đã rõ ràng và không có tranh chấp.

- Bị đơn G yêu cầu đo đạc lại diện tích đất bà đang sử dụng theo bản án số 57/2019/DS-ST, ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, vì bà G cho rằng: Theo bản án nêu trên thì diện tích đất công nhận cho bà được quyền sử dụng, nhỏ hơn nhiều so với diện tích thực tế bà đang sử dụng thực tế, nguyên

nhân là do ông Nguyễn Văn S và ông Dương Tấn T4 có đất giáp ranh, lấn chiếm đất của bà G.

Xét thấy: Việc xác định ranh đất giữa đất của bà G và đất của gia đình ông S và đất của gia đình ông T4, không liên quan đến việc giải quyết việc tranh chấp giữa nguyên đơn K và Bị đơn G trong vụ án này. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của Bị đơn G về việc yêu cầu cấp phúc thẩm: Xem xét, thẩm định lại các vị trí đất mà hiện nay Bị đơn G và nguyên đơn K đang sử dụng, không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2-3] *Xét kháng cáo của bị đơn G về việc đề nghị cấp phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Phước K, để trả lại đất cho cha mẹ và các đồng thừa kế cùng hưởng, thì thấy rằng:*

- Như đã phân tích ở phần [2-1] nêu trên, nguyên đơn K khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất theo đo thực tế 9.762,3m² tại thửa đất số 283 là của nguyên đơn K, do cha tên Quách N và mẹ tên Trương Thị V cho tặng từ năm 1998 và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Bị đơn G không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia thừa kế do cha trên Quách Ngón chết để lại. Vì vậy, cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo này của bị đơn G.

- Tại phiên tòa phúc thẩm và trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà Quách Thị T là người đại diện theo ủy quyền của mẹ là bà Trương Thị V và các bà Quách Thị T; Quách Thị T1; Quách Thị C và Quách Thị L là các con của ông N bà V đều thừa nhận: Phần đất đang tranh chấp, ông N và bà V đã cho tặng con trai là nguyên đơn K từ năm 1998 và cũng không có yêu cầu về chia thừa kế tài sản của ông Quách N chết để lại. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn G về việc: Buộc nguyên đơn K trả lại đất cho cha mẹ phần đất đang tranh chấp, để chia thừa kế cho các đồng thừa kế của ông N, không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Do bị đơn G và người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn G không chứng minh được toàn bộ kháng cáo của bị đơn G là có căn cứ pháp luật trong khi nguyên đơn K không đồng ý theo nội dung kháng cáo của Bị đơn G. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn G.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị cấp phúc thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là phù hợp với các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bị đơn G được miễn tiền án phí phúc thẩm, do thuộc đối tượng người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Quách Thị G.

I- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Phước K.

- Công nhận phần đất diện tích 9.762,3 m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16, địa chỉ đất ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 949658 ngày 25/10/1995 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Quách Văn N là của ông Quách Phước K.

Phần đất có số đo các cạnh như sau:

Hướng Đông giáp với đất ông Nguyễn Văn S, có số đo 94,02m + 61,57m.

Hướng Tây giáp Bờ rạch (Hành lang rạch), có số đo 74,00m + 79,55m + 3,95m.

Hướng Nam giáp đường bê tông, có số đo 57,57m.

Hướng Bắc giáp đất bà Quách Thị G, có số đo 64,06m.

(Kèm theo sơ đồ vị trí)

- Ông Quách Phước K được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được kê khai, đăng ký, cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 9.762,3 m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo bản án.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Quách Thị G phải chịu số tiền là 6.882.300 đồng (Sáu triệu tám trăm tám mươi hai nghìn ba trăm đồng) để hoàn trả lại cho ông Quách Phước K, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Quách Thị G được miễn nộp tiền án phí. Ông Quách Phước K không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005591 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

II- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Quách Thị G được miễn do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung